

VỀ QUAN NIỆM VĂN HỌC CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỀU

LÊ CHÍ DŨNG⁺

Nguyễn Đình Chiểu có ích cho đời ở ba tư cách: nhà nho - ông đồ, nhà nho - lương y, nhà nho - thi nhân. Ở tư cách nhà nho - thi nhân, ông nổi tiếng và được tôn kính trong cộng đồng dân tộc Việt Nam.

Nhiều học giả đã nghiên cứu Nguyễn Đình Chiểu như một nhà nho - thi nhân, nhưng chưa có học giả nào dành hẳn một bài báo hay một dung lượng cần và đủ trong một cuốn sách cho vấn đề *quan niệm văn học* của ông. Ở bài viết này chúng tôi cố gắng tìm hiểu vấn đề quan trọng đó ở Nguyễn Đình Chiểu trong *chính sáng tác* của nhà thơ.

I

1. Toàn bộ sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là sự thực hiện *chức năng của văn chương chính đạo*: treo gương tốt, xấu để giáo huấn, đề khen, chê.

2. Trong nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu ranh giới của hai tuyến nhân vật *chính, tà* với hai cảm hứng *ngợi ca, khắng định* và *phê phán, phủ định* là rạch ròi, không thể lẫn lộn. Tuyến nhân vật *chính* được lý tưởng hóa bằng các thủ pháp *ước lệ* hoặc bằng *sự tương phản* giữa phẩm chất bên trong tốt đẹp với hình thức bên ngoài bình dị làm nổi bật quan niệm *chùa đất phật vàng*, hoặc bằng sự thể hiện *người có tài thường dị tướng*; các nhân vật *tà* được nhà thơ mô tả bằng *những hình thức vốn có* của chúng. Trong "trận doanh" của các nhân vật *chính* những hình tượng *nhà nho hành đạo, nhà nho ăn dật* như biểu trưng cho *lẽ xuất, xứ* của các nhà nho *chính thống* được Nguyễn Đình Chiểu khắc họa với tất cả sự *tru ái, gan ruột* của ông.

3. Nguyễn Đình Chiểu khai thác triệt để khả năng *kể chuyện, trình bày, biện luận* ở tất cả các thể loại mà ông sử dụng để *truyền đạo* và *vệ đạo*. Bởi thế ông có hứng thú đặc biệt khi viết ba *truyện thơ* Nôm; ông dùng thể *phú* viết văn tế; ông sáng tác *12 bài thơ* điệu Trương Định, *12 bài thơ* điệu Phan Tông để khắc phục *dung lượng cực nhỏ* của một bài thơ *luật Đường* nhằm bênh vực nhiều hơn cho chính nghĩa.

4. Ngoài mấy văn thơ chữ Hán điệu Phan Thanh Giản, *ôm trùm* lên sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là *văn chương Nôm*. Nhà thơ dành trọn văn chương Nôm cho những vấn đề *trang nghiêm, trọng đại*: truyền đạo, vệ đạo. Ở đây có sự *dan xen* của nghệ thuật theo *diễn phạm chính thống* với nghệ thuật *nói thơ, kể thơ*, của *diễn, tích* và lời *ăn tiếng*

(+) Bộ Giáo dục và Đào tạo

nói trong folklore và trong cuộc sống của quê hương ông. Ở đây bạn đọc tìm thấy vốn văn hóa-nghệ thuật Trung Quốc đã giúp tác giả xây dựng các nhân vật nhà nho hành đạo, nhà nho ẩn dật theo quan niệm Nho gia, cả vốn văn hóa - nghệ thuật Trung Quốc đã hỗ trợ đắc lực cho nhà thơ khắc họa những nhân vật để khơi hứng tâm hồn công chúng Đồng Nai thích và thuộc những anh hùng trong *Tam quốc*, *Thuyết Đường*, *Thuyết Tống*, *Chinh Đông*, *Chinh Tây*... Sáng tác văn chương, Nguyễn Đình Chiểu muốn *giáo hóa sĩ và dạy dân*.

5. Trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu độc giả bắt gặp những câu thơ mang tính *tuyên ngôn nghệ thuật*, rằng viết văn là nhằm xây tạo một cuộc sống-xã hội: *trai thời trung hiếu làm đầu, gái thời tiết hạnh là câu trau mình*; là đề vắn đáp một lập trường: *cứ theo một đạo Nho ta, giữ câu lễ nghĩa muôn nhà yên vui*; viết văn là giúp đời *loạn thành trị*. Và, muốn chữ *khắc đạo*, chữ đi thật *sâu*, thật *xa* vào *sĩ, nông, công, cõ*, nhà thơ phải *thuê dệt cầm văn, phải phun châu, nhá ngọc*.

Từ 5 điểm trên, có thể kết luận: Nguyễn Đình Chiểu viết văn là để *chớ đạo, sửa đời, dạy người*.

II

Thế thì, hiện thực thời đại Nguyễn Đình Chiểu có khúc xạ vào sáng tác của ông không? Hãy đọc những câu thơ: "Đạo trời nào phải đâu xa, Gợi tấm lòng người có giải ra". Nhà thơ xác tín rằng "mỗi đạo trời trao đức thánh ta" - Khổng tử. Và đạo trời chính là *tam cương, ngũ thường*.

1. Nguyễn Đình Chiểu mô tả Lục Vân Tiên như một nhà nho hành đạo *văn võ song toàn, hiếu trung trọn vẹn, gồm đủ năm phẩm*: trí, dũng, nhân, nghĩa, danh. Đó là hoài bão của tác giả về một trang nam nhi *đẹp nội loạn, chống ngoại xâm, đem lại sự yên ổn cho sơn hà xã tắc, cuộc sống an lạc, thái bình cho muôn dân*. Trong sáng tác của mình ông thường trực tiếp nói về *cương, thường, về ba vua, năm đế* - những *minh quân* của thời thượng cổ; ông đề cho nhân vật nghệ thuật phát ngôn về *lễ thương* đối với những người xưa có tài kinh luân, nhưng không gặp thời, về *lễ ghét* chia vào bọn hôn quân bạo chúa gây đau khổ, chết chóc cho dân. Như thế, Nguyễn Đình Chiểu *thù và xé* (lấy và bỏ), chứ không linh hội toàn bộ đạo trời, và quả thật ông đã *thù nhân chính - khoan dân, huệ dân, an dân* - trong Nho giáo.

Lục Vân Tiên và ông Quán (cũng như Trương Định và Kỳ Nhân sư) được Nguyễn Đình Chiểu thể hiện như hai sự lựa chọn *xuất, xử* Lục Vân Tiên *hành*, "phò đời giúp nước"; ông Quán *tàng* "thung dung dưới thế, vui say trong đời". Họ là những người bạn *hanh khí* của nhau, bởi họ là *hai mảnh thống nhất-mâu thuẫn trong tâm* của nhà thơ. Thế đấy, ở Nguyễn Đình Chiểu sự nắm giữ chữ *thời* là *báo toàn bán linh, di dưởng tính linh*. Trong tâm của ông hoài bão về trung hiếu, phò đời giúp nước, chung sống với sự *rong sạch, ngang tàng, phóng khoáng, hòa mình với tự nhiên*. Bởi vậy y thuật giúp Nguyễn Đình Chiểu thực hiện lòng *nhân* được ông gọi là *Nho y*; đạo tiên gắn với việc *hàn du*, tạo cho người ta *đạo chơi non nước, trầm phù công danh, nên đạo tiên cũng ở rong làng đạo Nho*. Trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, nhiều lần độc giả nhìn thấy tác *ẩn sĩ - thấy thuốc, các đạo sĩ - ẩn sĩ - danh y*...

Nguyễn Đình Chiểu *sùng đạo Nho, quý những gì trong các giáo thuyết khác, kể cả lễ*

báo ứng của trời, Phật theo cách hiểu dân gian, tương hợp với nhân chính và tâm tính của ông, vào đạo Nho.

2. Trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu có những *danh xạ* của những năm trời cuộc sống của ông ở thôn ấp Nam bộ, những *danh xạ* của cuộc kháng chiến ở Đồng Nai nửa cuối thế kỷ XIX. Những ảnh xạ ấy cho phép nhà nghiên cứu văn học hiểu *tâm* của nhà nho-thì nhân *xúc tiếp* và *linh hội* đạo trong người và sự, cảnh và vật như thế nào. *Vốn văn hóa-nghệ thuật bác học, vốn folklore, cả những thể loại văn học mà ông sử dụng* cũng tham gia *trực tiếp* vào sự tiếp xúc và linh hội này. Tất cả những gì hiện diện trong thế giới nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu đều đã được tâm của ông *kiểm soát, phân thành hai loại chính, tà đề bao, biếm.*

3. Quan hệ của tâm và đạo là *thống nhất-mâu thuẫn*. Khi xuất hiện tình huống mâu thuẫn trong quan hệ đó, Nguyễn Đình Chiểu đã ra sức biện giải, tức là tìm lý lẽ, sao cho điều mà tâm của ông nhận là *đúng* được coi là *không trái đạo*. *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Văn tế Trương Định, những bài thơ điệu Trương Định, Phan Tông, Phan Thanh Giản, bài thơ Từ biệt cố nhân...* được viết trong những tình huống ấy. Những tình huống như vậy xuất hiện ngày càng nhiều trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu ở những năm tháng Nam bộ kháng chiến chống Pháp. Ở thời điểm này, đề vệ đạo, tâm của ông bất bình với triều đình không đáp thiên mệnh, không thỏa dân vọng, ông chống kẻ thù của vua, cha, ngay cả khi Lục tỉnh rơi trọn vào tay giặc. Trong tác phẩm của ông bạn đọc tìm thấy những hình tượng *ám dụ*, những ngôn từ *ẩn dụ*, sự biến dịch của *âm, dương*, sự lẫn lộn nhau của *chính khí, tà khí...*

4. Tóm lại, trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, *trước cũng như sau khi Pháp đánh Nam bộ*, bạn đọc có thể tìm thấy ở mức độ này hay mức độ khác ảnh xạ của cuộc sống-xã hội thời ông, nhưng *những ảnh xạ ấy không phải là kết quả của một chủ ý quan sát, mô tả chân thật thế giới khách quan bao quanh tác giả.*

III

1. Trong thế kỷ XIX các nước *đồng văn* Việt Nam, Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản lần lượt *tiếp xúc* toàn diện với các nước phương Tây. Ở Trung Quốc, Triều Tiên, Nhật Bản đã xuất hiện những tư tưởng như: "Trung thể, Tây dụng", "Đông đạo, Tây khí", "Hoa hồn, dương tài". Riêng ở nước của vua Tự Đức thì phương Tây chỉ là "dương di", "tây di" và nhà nho - thì nhân Nguyễn Đình Chiểu *dõng dạc*: "Hai chữ cương thường dẫn các nước. Một câu trung hiếu vững muôn nhà".

2. Nguyễn Đình Chiểu viết văn đề *minh họa* cho đạo theo sự *linh hội* của tâm ông. Thế nhưng trong văn chương của ông người đọc thấy chính nghĩa thẳng gian tà; những ứng xử cao đẹp *kiến nghĩa bất vi, vô dũng dã*, lòng nhân ái sâu sắc *thấy người đau giống mình đau*; nhân cách cứng cỏi không chịu khuất phục trước các thế lực bạo tàn, hắc ám. Thấy những quan hệ lâu bền máu thịt giữa người với người trong cộng đồng: cha con, vợ chồng, thầy trò, bầu bạn, dân nước, tình làng nghĩa xóm; thấy sự tồn tại sống đôi của cái lý tưởng, linh diệu với cái thiết thực, bình dị...

3. Nguyễn Đình Chiểu, Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Quang Bích..., mỗi người mỗi vẻ, nhưng giống nhau ở chỗ đem cương thường của Nho giáo ra chống đỡ sơn hà xã tắc - nước cũ của vua, cha - *không tìm kiếm và không hiểu cái mới*. Trong tình

hình đó, nhà nho yêu nước - nhà cải cách Nguyễn Trường Tộ chẳng những không nhận được hậu thuẫn của kinh tế-xã hội để thực hiện phát triển đất nước, mà còn vấp phải sự không đồng tình của những người ấy.

Tuy vậy, Nguyễn Đình Chiểu nổi bật hơn Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn, Nguyễn Quang Bích, không chỉ vì ông là người đầu tiên viết thơ chống Pháp, mà chủ yếu là: bằng hành động và bằng nghệ thuật Nguyễn Đình Chiểu *đã tham gia vào tất cả những ứng xử của thời đại ông*: ăn dật và dẹp loạn, chống ngoại xâm, đánh Pháp và không phục tùng triều đình cắt đất dâng cho giặc, ngã xuống trong chiến đấu, tị địa và bất hợp tác với bọn cướp nước, nhưng vẫn không ngừng cứu khổ, cứu nghèo cho dân... Hiên nhiên trong hành động và trong nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu, không xuất hiện yếu tố phản nghịch nào chống lại Nho giáo. Những thể loại được ông sử dụng tương hợp với tình hình ấy: truyện thơ Nôm, nhưng không phải là truyện thơ Nôm *tài tử-giai nhân*; thơ luật Đường; văn tế; không có *ca trù, từ khúc*.

4. Trong nghệ thuật của Nguyễn Đình Chiểu, ở đâu tác giả chia sẻ cái hữu ích, cái đẹp của các học phái khác và của tín ngưỡng và quan niệm dân gian, thì ở đấy *chan hòa* sự nghĩa hiệp, lòng nhân ái và sự trong sạch, phóng khoáng của tâm hồn nhà thơ-thi nhân; còn ở đâu ông bảo vệ cho sự độc tôn của Nho giáo một cách kiên quyết đến mức khô khan, thì ở đó tác giả rơi vào tình huống của sự hăng hụt về tri thức, thậm chí... bất cận nhân tình.

5. Không tìm kiếm cái mới trong hành động và trong nghệ thuật, Nguyễn Đình Chiểu muốn quay về với cuộc sống thái cổ.

Có thể coi Nguyễn Đình Chiểu là nhà nho-thi nhân kiểu *chính thống* viết những *trang cuối* của văn học trung đại Việt Nam.

IV

1. Văn là đề chờ đạo. Điều này khiến Nguyễn Đình Chiểu *gần gũi* với Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, với Hồ Chí Minh, Sóng Hồng - những nghệ sĩ khác nhau về lý tưởng chính trị - xã hội, nhưng giống nhau ở một điểm: *giao cho văn chương chức năng truyền thụ, giáo huấn*, làm ông xa cách với những nhà *nho tài tử-thi nhân*, như Nguyễn Huy Tự, Nguyễn Du, Phạm Thái, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ - những tác gia của văn học trung đại gần như cùng thời với Nguyễn Đình Chiểu.

2. Những nghệ sĩ kiểu Nguyễn Đình Chiểu coi văn chương là *phương tiện* thực hiện *xác tín* của tâm, chí, đạo, chứ không thể là cứu cánh của cuộc đời người cầm bút, mặc dù họ suốt đời trau thơ chuốt văn. Những nghệ sĩ kiểu Nguyễn Du đánh giá văn chương là *sự phát tiết của tài, tình*, là *phong vận kỳ duyên*, là điều làm người ta *nổi tiếng* ở đời.

3. Hai kiểu nghệ sĩ như thế xuất hiện *trước, sau* trong văn học trung đại Việt Nam, tồn tại cho đến hôm nay và ở mỗi thời điểm lịch sử *vị trí* của mỗi kiểu nghệ sĩ trên văn đàn dân tộc là *khác nhau*.

4. Ở nửa cuối thế kỷ XIX kiểu nghệ sĩ như Nguyễn Đình Chiểu chiếm *vị trí ưu thắng* trong văn học nước nhà, thậm chí gần như *độc chiếm* văn đàn Việt Nam. *Vị trí* ấy là *đích đáng* và tích cực, nhưng không phải là *đấu hiệu của sự phát triển bình thường* của văn học dân tộc, so với văn học thời Nguyễn Du...